|  |  |
| --- | --- |
| Viettel-Master-Vietnamese-Logo-2COL-Spot-01  Số **Số:**………………ôSó  SS | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  --------🖎🕮✍-------- |

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP CHỨNG THƯ SỐ VIETTEL-CA**

Sau khi tìm hiểu đầy đủ về dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng do Viettel cung cấp, tôi/chúng tôi đề nghị Viettel cung cấp dịch vụ chứng thư số Viettel-CA theo các thông tin dưới đây:

**I. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp**

1. **Tên giao dịch bằng tiếng Việt**

Tên giao dịch đầy đủ\*:

Trực thuộc:

1. **Thông tin của tổ chức, doanh nghiệp**

Quyết định thành lập số/Giấy phép ĐKKD\*:

Cấp ngày\*: ……………………………………….Nơi cấp\*:

Mã số thuế/Mã ngân sách/CMND \*:

1. **Địa chỉ của tổ chức, doanh nghiệp (theo quyết định thành lập/Giấy phép ĐKKD)**

Địa chỉ\*:

Email giao dịch chính thức:

**II. Khách hàng cá nhân/Đại diện pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp**

Họ và tên\*:…………………………………………………….Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu\*:……………………Ngày cấp\*:……………………Nơi cấp\*:

Hộ Khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………Di động:

Email:...:…………….................................Fax:

**III. Thông tin liên hệ trong trường hợp cần thiết**

Họ và tên\*:…………………………………………………Chức vụ:

Địa chỉ\*:

Điện thoại:..……………………………….Di động\*:

Email\*:..:……………...................................Fax:

**IV**. **Thông tin về chứng thư số Viettel-CA xin cấp:**

1. **Đối tượng xin cấp dịch vụ:** Cá nhân  Tổ chức
2. **Thiết bị sử dụng dịch vụ:**  USB Token  Sim CA  HSM/Server

**Số điện thoại sử dụng Chứng thư số (***Trường hợp sử dụng SIM CA***):**

1. **Thời hạn sử dụng:**

1 năm  2 năm  3 năm

*(Ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ tính từ ngày khách hàng được cấp Chứng thư số Viettel CA)*

*………, ngày ...... tháng …... năm…….* **Người tiếp nhận yêu cầu** **Đại diện của tổ chức, doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| Viettel-Master-Vietnamese-Logo-2COL-Spot-01 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  --------🖎🕮✍-------- |

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIETTEL-CA**

Hợp đồng số:………………………………

Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA (dưới đây gọi tắt là “Hợp đồng”) được ký kết ngày ……...tháng…… năm…… tại……………………………giữa:

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Gọi tắt là Bên A):**

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân\*:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ………………………… Số Fax:

Email\*:

Mã số thuế (*Tổ chức*)\*:

Giấy phép ĐKKD/QĐ thành lập/CMND số\*: …………………Nơi cấp\*…….……...cấp ngày\*:

Người đại diện (*Tổ chức*)\*: ………………………………….…Chức vụ:

CMND của người đại diện (*Tổ chức*)\*: …………………….…. Nơi cấp\*…….……...cấp ngày\*:

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: (Gọi tắt là Bên B)**

**VIETTEL ………………- CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

Địa chỉ: [địa chỉ chi nhánh]………………………………….………………………………………

Số điện thoại: [sđt chi nhánh]……………… Số Fax: [số fax chi nhánh] ……………………………

Số tài khoản: [stk chuyên thu của chi nhánh] Mở tại: [nơi mở tài khoản chuyên thu]……………………

Đơn vị thụ hưởng: **Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội**

Mã số thuế: [MST chi nhánh]

Giấy phép ĐKKD/QĐ thành lập số: ……………………....do……………...cấp ngày:

Người đại diện: ………………….……………Chức vụ: ………………….…………………….…

*(Theo ủy quyền số …………………..… ngày ……………. về việc Tổng Giám Đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội ủy quyền cho Giám đốc Viettel Tỉnh/Thành Phố - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội)*

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc ‘Các Bên”.

Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (VIETTEL-CA) theo các điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

* 1. Bên A đăng ký sử dụng gói dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA (theo Phụ lục cung cấp chứng thư số VIETTEL-CA đính kèm).
  2. Hợp đồng bao gồm văn bản Hợp đồng và Phụ lục kèm theo và các văn bản giữa Hai Bên (nếu có) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

**ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

* 1. Chi tiết giá trị Hợp đồng được nêu tại Phụ lục đính kèm. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng.
  2. Các khoản tiền Bên A đã thanh toán cho bên B sẽ không được hoàn trả trong trường hợp Bên A yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ.
  3. Trong trường hợp Bên A có nhu cầu nâng cấp gói dịch vụ, Bên A phải thanh toán cho Bên B khoản phí chênh lệch và các chi phí phát sinh khác tính tại thời điểm hiện hành (nếu có).
  4. Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định hiện hành của Bên B.

Thanh toán tiền mặt  Thanh toán chuyển khoản

* 1. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

**ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

* 1. Bên A đảm bảo nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm của mình khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ của Bên B cung cấp, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
  2. Được Bên B cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn và thông tin liên quan đến sử dụng gói dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA.
  3. Cung cấp đầy đủ chính xác các thông tin liên quan đến Bên A trên Hợp đồng, các Phụ lục Hợp đồng phục vụ cho quá trình cấp chứng thư và chịu trách nhiệm trước pháp luật với những thông tin này. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên B các thay đổi, bổ sung thông tin nêu trên (nếu có);
  4. Về hoạt động taọ khóa và phân phối khóa cho thuê bao:

Bên A yêu cầu Bên B tạo cặp khóa cho cho Bên A. Trong trường hợp này, Bên B phải đảm bảo chuyển giao khóa bí mật đến Bên A một cách an toàn.

Bên A tự tạo cặp khóa. Trong trường hợp này, Bên A xác nhận đã đọc, hiểu và cam kết tuân thủ, thực hiện đúng các tiêu chuẩn quy định về việc tạo ra và lữu trữ cặp khóa. Bên A chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B nếu không tuân thủ các tiêu chuẩn quy định về việc tạo ra và lữu trữ cặp khóa và gây thiệt hại cho Bên B.

* 1. Thông báo ngay cho Bên B nếu nghi ngờ hay biết rằng khóa bí mật, thiết bị chứa chứng thư số đã bị mất/lộ.
  2. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng chứng thư số cũng như mọi thiệt hại xảy ra do lỗi Bên A trong việc sử dụng/quản lý khóa bí mật và thiết bị chứa chứng thư số.
  3. Bên A có trách nhiệm sử dụng dịch vụ do Bên B cung cấp đúng mục đích; bảo mật thông tin, tài liệu Bên B cung cấp liên quan đến dịch vụ theo hợp đồng này.
  4. Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp những thông tin sau:

1. Phí, lệ phí cho việc cấp và sử dụng dịch vụ, loại chứng thư số mà Bên A được cung cấp và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A;
2. Những yêu cầu để đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khoá bí mật; yêu cầu, điều kiện đảm bảo để sử dụng dịch vụ. Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp những thông tin, dữ liệu thuộc sở hữu của Bên A do Bên B quản lý, vận hành.
   1. Tuân thủ pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
   2. Được bảo hành dịch vụ Viettel-CA theo quy định của Bên B.
   3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý có liên quan hoặc phát sinh từ việc sử dụng chứng thư số đã được cấp do không tuân thủ quy định về điều kiện sử dụng dịch vụ của Bên B.

**ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

* 1. Đảm bảo về tính chính xác của những thông tin được xử lý, lưu trữ trên hệ thống cung cấp dịch vụ của bên B
  2. Đảm bảo hệ thống hỗ trợ dịch vụ hoạt động 24/7.

(Điện thoại: 1800.8000 nhánh 1; Email: [cskh@viettel.com.vn](mailto:cskh@viettel.com.vn)).

* 1. Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của thuê bao liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của thuê bao là liên tục.
  2. Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho thuê bao và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này
  3. Thông báo ngay cho thuê bao, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của thuê bao đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của thuê bao;
  4. Khuyến cáo cho thuê bao việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.
  5. Bên B có quyền cung cấp thông tin của Bên A cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Pháp luật.
  6. Tuân thủ pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

**ĐIỀU 5: BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI & PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

* 1. Nếu Một trong Hai Bên vi phạm (Gọi tắt là “Bên vi phạm”) một trong các điều khoản cam kết quy định trong Hợp đồng này, Bên vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại trực tiếp theo thực tế gây ra cho Bên còn lại (Gọi tắt là “Bên bị thiệt hại”) (Bao gồm cả trách nhiệm tài chính đối với các chi phí, khoản nộp phạt mà Bên bị thiệt hại phải trả cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Bên thứ ba có quyền liên quan và khoản lợi trực tiếp mà Bên bị thiệt hại đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm).
  2. Ngoài khoản bồi thường thiệt hại nêu trên, Bên vi phạm còn phải trả một khoản tiền phạt Hợp đồng cho Bên bị thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra. Mức phạt vi phạm Hợp đồng được xác định tương đương 8% (Tám phần trăm) giá trị Hợp đồng bị vi phạm.
  3. Khi Một Bên vi phạm Hợp đồng, Bên bị thiệt hại có quyền gửi giấy đòi tiền phạt và/hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bên gây thiệt hại (Bên vi phạm) có trách nhiệm trả tiền phạt và/hoặc bồi thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phạt vi phạm và/hoặc bồi thường. Nếu quá thời hạn trên, Bên vi phạm phải trả lãi chậm trả trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định.
  4. Bên Bị thiệt hại có trách nhiệm chứng minh lỗi của Bên vi phạm và thiệt hại mà mình phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Bên vi phạm gây ra để làm căn cứ cho việc Bên vi phạm thực hiện đền bù và bồi thường theo quy định tại Điều này.

**ĐIỀU 6: GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM**

* 1. Hai Bên thống nhất rằng, trong mọi trường hợp, bất kỳ trách nhiệm của Bên B sẽ không vượt quá tổng Phí dịch vụ trong 01 (một) năm mà Bên A phải thanh toán cho Bên B cho đến thời điểm xảy ra thiệt hại.
  2. Trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, cho dù trong hoặc ngoài Hợp đồng đối với mọi vi phạm Hợp đồng này và tất cả các sự kiện, hành vi, khiếu nại, thiếu sót và nguyên nhân hành động phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ Hợp đồng này, trách nhiệm pháp lý tối đa của Bên B đối với Bên A sẽ không bao giờ vượt quá tổng phí mà Bên A đã trả cho Bên B trong vòng 01 (một) năm theo của Hợp đồng này cho đến ngày xảy ra thiệt hại.
  3. Trong mọi trường hợp, một Bên sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp nào phát sinh theo Hợp đồng này.

**ĐIỀU 7: TẠM NGƯNG DỊCH VỤ**

* 1. Dịch vụ cung cấp cho Bên A sẽ tạm ngưng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1. Khi Bên A yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được Bên B xác minh là chính xác;
2. Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
3. Khi Hai Bên chưa thống nhất được về giá tiền dịch vụ mới so với quy định tại Hợp đồng này;
4. Trường hợp có sự cố khẩn cấp, hoặc liên quan đến hiệu lực giấy phép cung cấp dịch vụ của Bên B theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên B có quyền tạm ngưng cung cấp dịch vụ, và phải có thông báo với Bên A trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm tạm ngưng.
   1. Khi có căn cứ thực hiện về việc tạm ngưng, Bên B sẽ thông báo cho Bên A bằng văn bản về thời điểm bắt đầu và kết thúc việc tạm ngưng.
   2. Trong thời gian tạm dừng, Bên B đảm bảo duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp cho Bên A.

**ĐIỀU 8: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

* 1. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sự kiện như tê liệt hệ thống thông tin, nghiệp vụ, thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công, bạo loạn, bãi công và các hoạt động ngừng trệ không phải do lỗi của một trong Hai Bên gây ra. Hỏng hóc kỹ thuật nằm ngoài tầm kiểm soát của mỗi Bên, hỏng hóc hoặc lỗi của ngân hàng, hệ thống điện, vì sự kiện bất khả kháng khác mà đầu mối đối soát, chuyển tiền của các Bên theo Hợp đồng không thể thực hiện được công việc theo quy định và/hoặc yêu cầu tạm hoãn hoặc ngừng giao dịch từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
  2. Trong trường hợp một trong các Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng thì Bên đó sẽ phải thông báo ngay cho Bên kia bằng điện thoại/fax trước và bằng văn bản sau đó về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng. Bên thông báo có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để khắc phục hoặc giảm thiểu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng đó.

1. Bên bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia về sự kiện, tình huống gây ra Sự kiện bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn một (01) ngày kể từ sau khi thông tin liên lạc đã phục hồi. Nhưng cũng không quá bảy (07) ngày kể từ khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia và trong vòng ba mươi (30) ngày phải gửi văn bản cho Bên kia mô tả về nguyên nhân, ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng và gửi kèm các chứng nhận về việc xảy ra sự kiện có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
2. Bất cứ các thông báo nào cũng sẽ bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Sự kiện bất khả kháng, tác động của nó đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của Bên bị ảnh hưởng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên bị ảnh hưởng phải cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Sự kiện bất khả kháng và các thông tin mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.
   1. Khi Sự kiện bất khả kháng xảy ra, hai Bên sẽ trao đổi ý kiến với nhau về việc thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp thống nhất tiếp tục thực hiện Hợp đồng, hai Bên sẽ ngay lập tức phục hồi lại các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi Sự kiện bất khả kháng chấm dứt hoặc khi Sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ. Trường hợp hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng, thực hiện như quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng này.

**ĐIỀU 9: CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

* 1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hợp đồng hết hạn và các Bên không gia hạn Hợp đồng;
2. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
3. Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
4. Do Bên A trong khi sử dụng dịch vụ có hành vi vi phạm pháp luật, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ, không thanh toán giá trị hợp đồng như quy định tại hợp đồng này.
   1. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được coi như là tự động thanh lý khi hết thời hạn hợp đồng mà Hai Bên không xảy ra tranh chấp. Trường hợp Bên A sử dụng SIM CA và còn thời hạn chứng thư số, Bên A phải thực hiện thanh lý hợp đồng tại quầy giao dịch của Bên B.
   2. Trong trường hợp Bên B bị thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ, Bên B có nghĩa vụ bàn giao các cơ sở dữ liệu, hồ sơ có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ và đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của Bên A cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng khác đang hoạt động theo quy định của pháp luật, đồng thời Bên B có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên A về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của Bên A.

**ĐIỀU 10: THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

* 1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
  2. Hợp đồng có thời hạn theo gói cước Bên A đăng ký. Trường hợp hợp đồng hết hạn và Bên A có nhu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ thì Phụ lục cung cấp dịch vụ có xác nhận của Bên A được coi là căn cứ pháp lý để thanh toán và gia hạn hợp đồng.

**ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

MIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤPđể thanh toán và gia hạn hợp đồnHai Bên gi 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤPđể thanh toán và gia hạn hợp đồng. tục sử dụng dịch vụ thì Phụ lục cung cấp dịch vụ có xác nsau 30 (ba mươi) ngày kH CHẤPđể thanh toán và gia hạn hmau 30 (baHai Bên có quy CHẤPđểtranh chbaHra ginh chbaHai Bên có quy CHẤPđể thanh toán và gia hạn hợp đồng. tục sử dụng dịch vụ thì Phụ lục cung cấp dịch vHai Bên ph chbaHai Bên có quy CHẤPđể thanh toán và gia hạn hợp đồng. tụchịu.

**ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

* 1. Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này đều phải được các bên nhất trí và lập thành bổ sung Hợp đồng.
  2. Hợp đồng được lập làm thành 02 (hai) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN B**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN BÊN A**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| Viettel-Master-Vietnamese-Logo-2COL-Spot-01  Phụ lục số: ………………….. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  --------🖎🕮✍--------  *………, ngày …… tháng …… năm …….* |
|  | **Mã cửa hàng/đại lý:……………………………..** |

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CUNG CẤP CHỨNG THƯ SỐ VIETTEL-CA**

*(Kèm Hợp đồng số: ……………………….…….., ngày ……. tháng ….. năm ….…..)*

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

Tên giao dịch đầy đủ\*:

Trực thuộc:

Quyết định thành lập số/Giấy phép ĐKKD\*:

Cấp ngày\*: ……………………………………….Nơi cấp\*:

Mã số Thuế\*:

Địa chỉ (*ghi theo ĐKKD*)\*:

Email giao dịch chính thức:

**II. KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN/ ĐẠI DIỆN PHÁP LÝ CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

Họ và tên\*:…………….………………………………….Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu\*: ..…………………………Ngày cấp\*: ………………….. Nơi cấp\*:

Hộ khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………….…Di động:

Email:...:……………..........................................Fax:

**III. THÔNG TIN NGƯỜI SỬ DỤNG DỊCH VỤ (***Trường hợp tổ chức giao cho cá nhân sử dụng***)**

Họ và tên\*:…………….………………………………….Chức vụ:

Số CMND/Hộ chiếu\*: ..…………………………Ngày cấp\*: ………………….. Nơi cấp\*:

Hộ khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………….…Di động:

Email:...:……………..........................................Fax:

*Trường hợp tổ chức giao cho từ 2 cá nhân sử dụng trở lên cần bổ sung Danh sách cá nhân cấp chứng thư số trong tổ chức theo biểu mẫu đính kèm.*

**IV. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN BÀN GIAO DỊCH VỤ VÀ XÁC NHẬN THÔNG TIN TRÊN CHỨNG THƯ SỐ**

Họ và tên\*:…………….………………………………….Chức vụ\*:

Số CMND/Hộ chiếu\*: ..…………………………Ngày cấp\*: ………………….. Nơi cấp\*:

Hộ khẩu thường trú\*:

Điện thoại:..………………………………….Email:...:…………….......................................................

Bên A đồng ý ủy quyền cho Ông/bà có tên nêu trên tiếp nhận bàn giao dịch vụ và xác nhận thông tin chứng thư số trong trường hợp đại diện hợp pháp của Doanh nghiệp không thể nhận bàn giao trực tiếp.

**V**. **THÔNG TIN YÊU CẦU CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THƯ SỐ VIETTEL-CA**

1. **Đối tượng xin cấp dịch vụ:**  Tổ chức  Cá nhân
2. **Thiết bị sử dụng dịch vụ:**  USB Token  Sim CA  HSM/Server

**Số điện thoại sử dụng Chứng thư số (***Trường hợp sử dụng Sim CA***):**

1. **Thời hạn sử dụng:**

Số tháng sử dụng theo gói cước: ….. tháng. (bằng chữ:…………………………………..…….tháng)

*Ghi chú:*

***(1)*** *Số tháng sử dụng được xác nhận theo Biên bản bàn giao dịch vụ và Giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số Viettel-CA;*

***(2)*** *Ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ tính từ ngày khách hàng được cấp Chứng thư số Viettel-CA.*

**V. PHÍ THANH TOÁN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản mục** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Tiền thuế GTGT** | **Cộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Gói cước Chứng thư số Viettel-CA |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thiết bị (nếu có ngoài gói cước) |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | | | |  |  |  |  |
| **Tổng cộng tiền thanh toán** | | | | | |

*Bằng chữ:*

Phụ lục này là phần không thể tách rời của Hợp đồng, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẠI ĐIỆN BÊN B**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **ĐẠI LÝ/NHÂN VIÊN BÁN HÀNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên,đóng dấu)* | **ĐẠI ĐIỆN BÊN A**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |